



# PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

[www.pioneershipbrokers.com.vn](http://www.pioneershipbrokers.com.vn)

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS** và **Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

## TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 51/2023

(12/12/2023 – 18/12/2023)

### 1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tiếp tục giảm thêm 200 điểm so với tuần trước (tương đương mất 9,6%), hiện đóng cửa ở mức 2.288 điểm. Cước thuê tàu các phân khúc đều giảm, cụ thể: Capesize giảm 3,5%, Panamax giảm 10,7%, Ultramax và Supramax giảm từ 6-6,7%. Duy nhất cước thuê Handysize vẫn tiếp tục tăng thêm 3,9% (tăng liên tục 26,8 % kể từ 20/11 đến thời điểm báo cáo). Đối với thị trường mua bán, đúng theo dự đoán thì sức mua tàu Capesize đã suy giảm sau đợt tăng mạnh mẽ vài tuần vừa qua. Hiện tiêu điểm đang thuộc về Panamax và Supramax với lần lượt 5 và 8 giao dịch thành công trong tuần qua. Ở phân khúc Supramax, chủ tàu Anh chốt tàu **Supra Oniki** (57.022 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD/SS 07/2025) với giá 11 triệu đô la Mỹ. Tàu này có giá cạnh tranh nhất thị trường hiện nay vì những tàu tương tự hiện chủ tàu đang nhắm trên 12 triệu đô la Mỹ. Hai tàu Supramax già **TR Crow** (53.474 dwt, đóng 2005 Nhật, DD/SS 07/2025) và **Jin Sheng** (52.050 dwt, đóng 2006 Nhật, DD 07/2025, SS 03/2026) lần lượt được chủ tàu Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc bán với giá tương ứng là 10,3 triệu đô la Mỹ và 10,43 triệu đô la Mỹ. Mức giá này tăng nhẹ so với tháng trước khi tàu tương tự **Jian Quan** (52.525 dwt, đóng 2006 Tsuneishi Cebu, Philippines, DD 10/2024, SS 10/2026) bán với giá chỉ 9,2 triệu đô la Mỹ. Ở phân khúc Handysize, chủ tàu Đan Mạch Clipper chốt bán tàu **Clipper Copenhagen** (37.852 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, máy chính Wartsila, DD 01/2026, SS 06/2025) với giá 11,2 triệu đô la Mỹ. Tháng trước chủ tàu này đã bán tàu chị em **Clipper Como** (37.302 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, máy chính Wartsila, DD/SS 10/2025) với giá chỉ 10,9 triệu đô la Mỹ. Đây sẽ là mốc tham chiếu mới cho cỡ tàu 37k trở đóng Trung Quốc trong thời gian tới. Các tàu đề cập trên đều đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tuần qua chỉ số BDTI đã có dấu hiệu tăng nhẹ trở lại sau khi liên tục giảm gần 1 tháng rưỡi (chỉ số bốc hơi 29% kể từ ngày 6/11 đến nay), còn chỉ số BCTI vẫn duy trì xu hướng nhẹ và tăng lành mạnh. Nhìn chung trạng thái thị trường lúc này, dầu không có nhiều hoạt động sôi nổi, cũng có thể xem là khá ổn vì ngày lễ Giáng sinh và Tết dương lịch đang cận kề. Đối với thị trường mua bán, tuần qua duy nhất phân khúc MR tỏa sáng. Tàu chemical **Ocios Ioannis** (47.147 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn, DD/SS 08/2024) được bán với giá khoảng 25,5 triệu đô la Mỹ. Mức này tốt hơn một chút nếu so với tàu tương tự **Tradewind Energy** (47.128 dwt, đóng 2009 Hàn Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dẫn) được chủ tàu Thái Lan chốt nhanh với giá 24,1 triệu đô la Mỹ đầu tháng này do sắp lên đà DD/SS 2/2024. Bên cạnh đó, hiện nay tàu 13k đang được người Mua quan tâm và săn đón. Do đó dự đoán sẽ có thêm nhiều thông tin bổ ích cũng như mốc tham chiếu mới về tàu dạng này trong thời gian tới.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
<b>BULKERS / GENERAL CARGOES</b>						
<b>Beks Brown</b>	2005	Japan	206,204	16.50	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 08/2025
<b>Ultra Tiger</b>	2009	Japan	83,611	16.00	Indian	BWTS fitted, DD/SS 05/2026
<b>Presinge Trader</b>	2016	China	81,115	25.50	W Marine	BWTS fitted, electronic M/EDD 02/2025, SS 12/2026
<b>Melodia</b>	2013	Japan	80,554	22.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 04/2026, SS 05/2028
<b>Glory Amsterdam</b>	2006	Japan	77,171	11.50	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 04/2026
<b>Topaz</b>	2004	Japan	75,499	10.50	Undisclosed	DD/SS 06/2024
<b>Unity Endeavour</b>	2014	China	61,617	23.00	Undisclosed	Incl TC, BWTS & scrubber fitted, DD/SS 08/2024
<b>Xing Xi Hai</b>	2017	Japan	60,498	29.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 01/2025, SS 01/2027
<b>Xing Shou Hai</b>	2016	Japan	60,492	28.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 10/2024, SS 10/2026, Chinese owners
<b>Supra Oniki</b>	2010	China	57,022	11.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD/SS 07/2025, UK-based owners
<b>TR Crown</b>	2005	Japan	53,474	10.30	Chinese	BWTS fitted, DD/SS 02/2025
<b>Jin Sheng</b>	2006	Japan	52,050	10.43	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2025, SS 09/2025, HK-based owners
<b>Merlin</b>	2001	Japan	50,296	6.20	Chinese	BWTS fitted, DD 04/2024, SS 03/2026, UAE owners
<b>Clipper Copenhagen</b>	2010	China	37,852	11.20	Armator Shipping	BWTS fitted, ice class 1C, M/E Wartsila, DD 01/2026, SS 06/2025, Danish owners
<b>Clipper Como</b>	2010	China	37,302	10.90	ZBB Denizcilik	Old sale 11/2023, BWTS fitted, DD/SS 10/2025, Danish owners
<b>TANKERS</b>						
<b>Aegean Power</b>	2007	Korea	115,754	41.00	Undisclosed	Ice class 1B, DD 06/2025, SS 04/2027
<b>S-Trust</b>	2005	Korea	106,094	32.00	Undisclosed	DD/SS 11/2025
<b>SCF Angara</b>	2008	Korea	50,956	25.00	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, ice class 1A, DD/SS due 12/2023
<b>Hana</b>	1997	Japan	47,198	6.50	Undisclosed	DD/SS due 12/2023
<b>Centennial Matsuyama</b>	2008	Japan	47,165	23.00	Undisclosed	DD 07/2025, SS 11/2028

<b>Ocios Ioannis</b>	2009	Korea	47,147	25.50	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO III, epoxy phenolic coated, DD/SS 08/2024
<b>Alicudi M</b>	2004	Korea	40,083	14.50	Turkish	DD/SS due 02/2024
<b>Blue Trader</b>	2005	Korea	37,270	17.80	Undisclosed	Ice class 1B, DD/SS 03/2025
<b>Xing Hai Hua 728</b>	2009	China	17,204	8.20	Undisclosed	Ice class II, DD/SS 09/2024, Chinese owners
<b>HZ Singapura</b>	2022	China	13,899	21.50	Turkish	Old sale 11/2023, chemical IMO II, epoxy coated, DD 01/2025, SS 01/2027, Singaporean owners
<b>CONTAINERS</b>						
<b>Rotterdam Bridge</b>	2001	Korea	50,985	12.50	Undisclosed	4253 teu, SS 12/2027
<b>Sunny Iris</b>	2013	Korea	12,454	10.20	Japanese	Old sale 10/2023, 1048 teu, BWTS fitted, DD/SS due at the of sale, now DD 11/2026, SS 11/2028

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	12/2023	1M	3M	6M	12M	
<b>CAPESIZE</b>						
180k dwt Resale	68.50	4%	12%	8%	28%	53.25
180k dwt 5 tuổi	52.00	5%	11%	3%	21%	37.75
170k dwt 10 tuổi	31.50	5%	7%	-3%	11%	26.25
150k dwt 15 tuổi	21.00	0%	6%	2%	14%	16.75
<b>PANAMAX</b>						
82k dwt Resale	40.00	4%	5%	1%	5%	33.75
82k dwt 5 tuổi	34.50	6%	6%	5%	11%	26.75
76k dwt 10 tuổi	24.50	4%	17%	2%	11%	18.00
74k dwt 15 tuổi	15.50	-3%	15%	-3%	2%	12.25
<b>SUPRAMAX</b>						
62k dwt Resale	37.50	1%	4%	-1%	3%	31.50
58k dwt 5 tuổi	31.00	3%	8%	2%	13%	22.00
56k dwt 10 tuổi	20.00	0%	10%	-4%	5%	16.00
52k dwt 15 tuổi	14.25	0%	10%	-7%	-7%	11.25
<b>HANDYSIZE</b>						
37k dwt Resale	34.00	3%	6%	5%	19%	26.00
37k dwt 5 tuổi	27.00	4%	17%	2%	13%	19.50
32k dwt 10 tuổi	17.50	0%	17%	-7%	6%	12.75
28k dwt 15 tuổi	11.50	7%	21%	-6%	10%	8.00

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	12/2023	1M	3M	6M	12M	
<b>VLCC</b>						
310k dwt Resale	131.00	4%	4%	4%	7%	99.00
310k dwt 5 tuổi	106.00	8%	8%	5%	15%	74.50
250k dwt 10 tuổi	75.50	1%	1%	-1%	7%	51.25
250k dwt 15 tuổi	56.50	0%	0%	-7%	-3%	36.00
<b>SUEZMAX</b>						
160k dwt Resale	96.00	0%	5%	7%	14%	68.25
150k dwt 5 tuổi	78.50	0%	7%	5%	24%	51.50
150k dwt 10 tuổi	61.50	0%	5%	7%	29%	36.00
150k dwt 15 tuổi	39.50	0%	5%	7%	25%	22.00
<b>AFRAMAX</b>						
110k dwt Resale	84.00	0%	6%	6%	14%	56.00
110k dwt 5 tuổi	71.00	0%	11%	11%	21%	41.75
105k dwt 10 tuổi	55.50	0%	8%	6%	28%	29.25
105k dwt 15 tuổi	36.50	0%	6%	6%	26%	18.25
<b>MR</b>						
52k dwt Resale	53.50	3%	5%	5%	10%	40.00
52k dwt 5 tuổi	44.00	0%	9%	4%	9%	30.50
45k dwt 10 tuổi	33.50	3%	10%	0%	13%	21.00
45k dwt 15 tuổi	25.50	4%	6%	4%	19%	13.50

## 2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
VLEC	98,000 cbm	167.00	3	Hyundai H.I.	Mitsui OSK	SH 2027	Price per unit, intended employment for Reliance Industries (India)

LPG	11,000 cbm	32.50	1	Japan shipyard	Bangladeshi	2026	
LNG	7,500 cbm	Reg 52.00-53.00	1	Dalian Shipbuilding	Bernhard Schulte	June 2026	
Tanker	157,000 dwt	Reg Mid 80.00	2	Jiangsu Hantong	TMS Cardiff	Mid 2026	Price per unit
Tanker	115,000 dwt	Undisclosed	4	Zhoushan Changhong	Kurow Shipping	2026 - 2027	
Bulker	89,000 dwt	37.00	4+6	Wuhu	Fujian Gouhan		Price per unit, methanol ready
Bulker	82,000 dwt	35.00 – 36.00	4	Nantong Xiangyu	TMS Cardiff	2026	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2023	1M	3M	6M	12M
Capesize (180.000 dwt)	65.0	0.00%	0.00%	0.00%	-0.76%
Panamax (77.000 dwt)	42.0	0.00%	0.00%	0.00%	5.00%
Supramax (61.000 dwt)	38.0	0.00%	0.00%	0.00%	1.33%
Handysize (37.000 dwt)	34.0	0.00%	0.00%	3.03%	-1.45%

Giá trị tàu dầu/dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	12/ 2023	1M	3M	6M	12M
VLCC (300.000 dwt)	128.0	0.00%	0.79%	0.79%	6.67%
Suezmax (170.000 dwt)	85.5	0.00%	0.00%	-0.58%	4.27%
A.max (115.000 dwt)	68.5	0.00%	0.73%	0.73%	6.15%
MR (56.000 dwt)	47.5	0.00%	0.00%	0.00%	7.95%

### 3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

#### 3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước trung bình hai phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tuần qua đóng cửa ở mức 15.686 đô la Mỹ, giảm 1.045 đô la Mỹ so với mức 16.731 đô la Mỹ của tuần trước, nhu cầu chở hàng mới ở Vịnh Hoa Kỳ và Continent-Địa Trung Hải giảm. Fednav chốt tàu **Letizia Oetker** (61.288 dwt, đóng 2015) qua Heroya và trả tàu ở Trung Quốc với giá khoảng 37.000 đô la Mỹ. Ở Nam Đại Tây Dương, thị trường đang ổn định và chờ đợi các nhu cầu chở hàng mới trước lễ Giáng Sinh. Đầu tuần qua, tàu **Berge Nishikawa** (63.500 dwt, đóng 2020) neo ở Douala được chốt qua San Pedro và trả tàu ở Trung Quốc với giá khoảng 32.000 đô la Mỹ, dự kiến chở quặng niken. Tàu **CMB Van Dijk** (63.667 dwt, đóng 2020) được Sealif chốt chở xỉ luyện kim từ Capuaba đến Fos với giá khoảng 33.000 đô la Mỹ. Phía Nam Phi, tàu **Ausone** (56.812 dwt, đóng 2012) được Naveg chốt đi từ Cảng Elizabeth-Coega và trả tàu ở Xingang với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ cộng thêm 200.000 đô la Mỹ chi phí ballast. Ở Ấn Độ Dương, tàu **CP Shenzhen** (63.540 dwt, đóng 2017) neo ở Ennore được đàm phán chuyển đi qua Bờ Đông Ấn Độ và trả tàu ở Trung Quốc với giá khoảng 20.000 đô la Mỹ, tuy nhiên thương vụ không được chốt. Phía Châu Á, tuần qua khá ít chuyển chở hàng nhưng đổi lại sự tích cực ở mảng thuê định hạn. Tàu **Captain Andreadis** (58.760 dwt, đóng 2008) được chốt đi từ Hồng Kông đến Bờ Tây Ấn Độ-Vịnh Ả Rập với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ. Có tin tàu **Gemini** (55.781 dwt, đóng 2006) neo ở Pyeongtaek được chốt qua Bắc Thái Bình Dương và trả tàu ở Đài Loan với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ, cùng lúc tàu **Star Aquarius** (60.916 dwt, đóng 2015) được chốt giao nguyên trạng ở Singapore đi qua Sumatra và trả tàu ở Bờ Tây Ấn Độ với giá khoảng 14.000 đô la Mỹ. Tàu **Atlantic Prestige** (63.633 dwt, đóng 2019) neo ở Dongjiakou được thuê khoảng 4-6 tháng với giá khoảng 15.000 đô la Mỹ, tàu **Ocean Glsr** (56.108 dwt, đóng 2014) neo ở Rizhao được Flacon thuê khoảng 5-7 tháng và trả tàu ở nơi bất kỳ với giá khoảng 11.500 đô la Mỹ.

Cước trung bình phân khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 16.340 đô la Mỹ, tăng 640 đô la Mỹ so với mức 15.700 đô la Mỹ của tuần trước. Phía Đại Tây Dương, cước ở Continent tiếp tục tăng do thiếu tàu giao ngay. Tuy nhiên, có vài nhận định cho rằng nguồn cung hàng hoá và tàu hàng đang trở nên cân bằng hơn, điều này có thể làm điều chỉnh lại mức cước trong vài tuần tới. Đầu tuần qua ở Continent, có tin tàu **De Sheng Hai**

(38.821 dwt, đóng 2017) neo ở Rotterdam (14/12) được chốt chờ sắt vụn từ Đông Địa Trung Hải với giá khoảng 27.000 đô la Mỹ, đây có lẽ là mức cước được ghi nhận cao nhất ở giai đoạn cuối năm. Có tin SIMS chốt một tàu tương tự cũng chờ phế liệu với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ vào thứ 6 tuần qua. Hoạt động vận tải ở Vịnh Hoa Kỳ giảm do các ngày lễ. Tàu **Drawno** (39.092 dwt, đóng 2018) được chốt dự kiến chờ viên gỗ nên từ thành phố Panama đến khu vực Hoa Kỳ-Continent với giá khoảng 30.000 đô la Mỹ. Tàu **Suzanna D** (37.205 dwt, đóng 2017) neo ở Praia (11-12/12) được chốt giao tàu nguyên trạng chờ hàng rời từ Recalada đến kho chứa ở Bờ Tây Nam Mỹ với giá khoảng 45.000 đô la Mỹ. Cargill chốt một tàu khoảng 37.000 dwt đi từ Nam Brazil đến Continent với giá khoảng 25.000 đô la Mỹ. Cước ở Châu Á ổn định và thị trường dần cân bằng hơn. Ở phía Bắc, số lượng tàu chờ bị giảm bớt do nhiều tàu bị thu hút đến Bờ Tây Nam Mỹ nơi đã thiếu tàu giao ngay, một phần là do sự tắc nghẽn ở kênh đào Panama. Phía Đông Nam Á, nguồn hàng hoá tăng khiến cho thị trường cải thiện hơn. Có tin một tàu khoảng 29.000 dwt neo ở Đông Nam Á được thuê ngắn hạn với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Thêm tin một tàu khác khoảng 33.000 dwt cũng được thuê với giá khoảng 9.000 đô la Mỹ. Ngoài ra có tin một tàu khoảng 28.000 dwt neo ở Ấn Độ được chốt đến Trung Quốc với giá khoảng 8.000 đô la Mỹ.

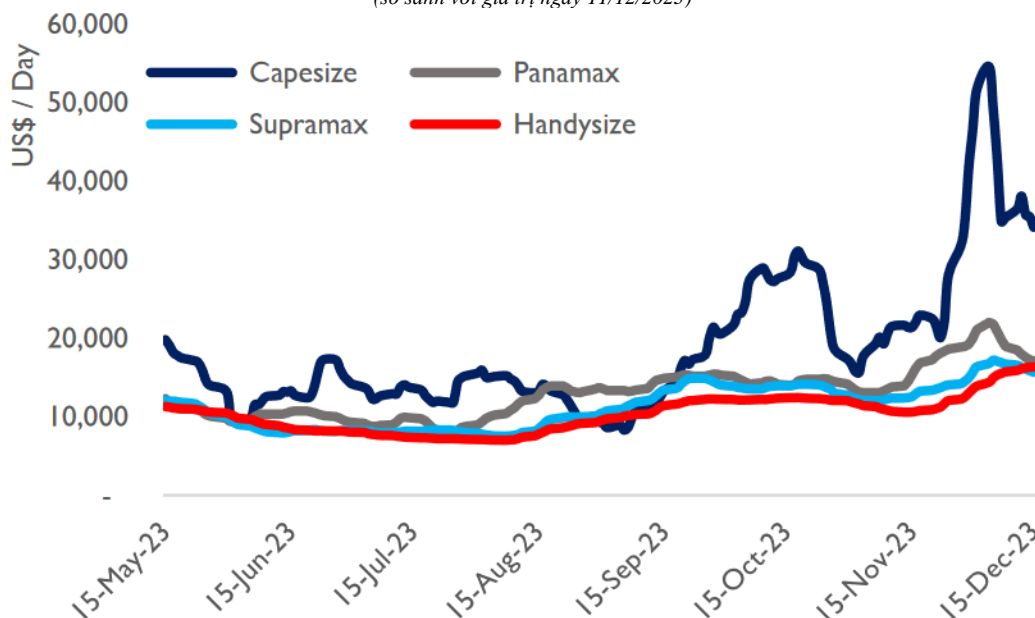
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 51/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 51/2023	TUẦN 50/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 51)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 51)
TRANSATLANTIC RV	22,975	29,750	4,830	29,750
TCT CONT/F.EAST	26,677	32,359	14,764	32,359
TCT F.EAST/CONT	6,713	7,713	2,501	9,260
TCT F.EAST RV	14,373	17,100	6,525	17,100
<b>RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)</b>				
ATLANTIC RV	27,929	28,827	6,630	28,827
PACIFIC RV	9,006	10,444	5,056	13,310
TCT CONT/F.EAST	26,954	27,142	9,933	27,142

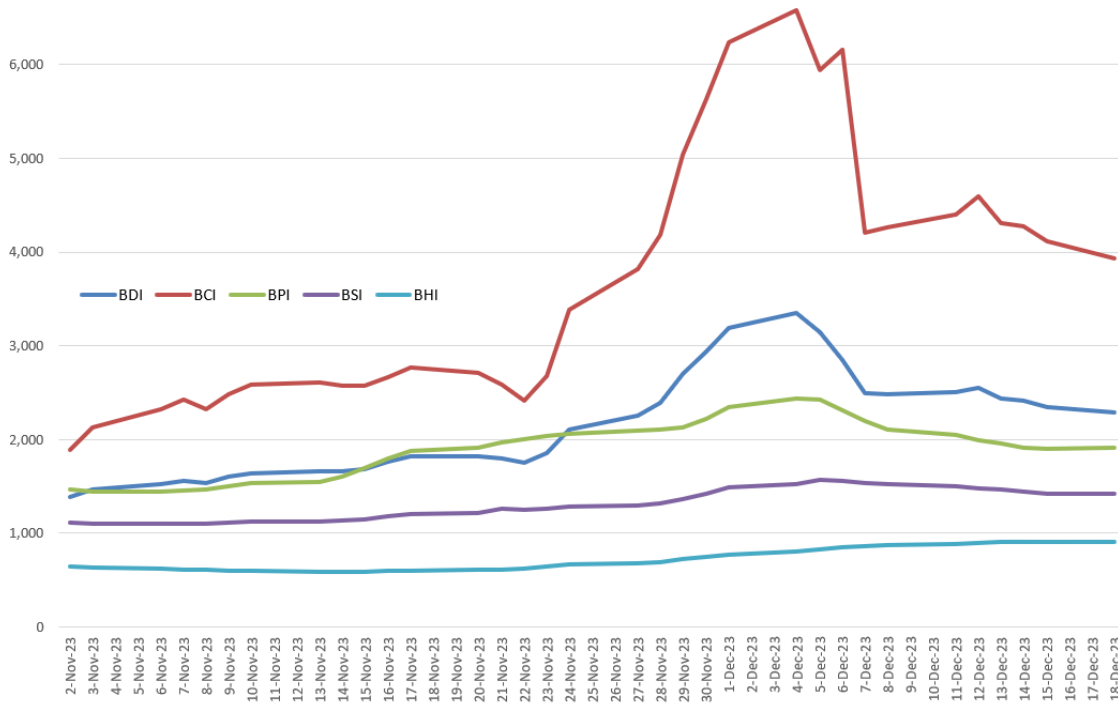
### GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 18/12/2023

	US\$/ngày	▲/▼	
SUPRAMAX	15,686	▲	1.045
HANDIES 38K	16,340	▼	640

(so sánh với giá trị ngày 11/12/2023)



## CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



### 3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu WTI giao tháng 2/2024 ở mức 72,88 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,06 đô la Mỹ trong phiên và tăng 0,76 đô la Mỹ/thùng so với phiên giao dịch trước. Đồng thời, giá dầu Brent giao tháng 2/2024 đứng ở mức 78,07 đô la Mỹ/thùng, tăng 0,12 đô la Mỹ trong phiên và tăng 1,13 đô la Mỹ/thùng.

Giá dầu thế giới hiện tăng trong bối cảnh các nhà đầu tư lo lắng về sự gián đoạn đối với chi phí cung ứng và thương mại hàng hải sau khi nhóm phiến quân Houthis ở Yemen liên kết với Iran tấn công các tàu ở Biển Đỏ. Tiêu điểm những ngày qua đang hướng về tàu Na Uy đã bị tấn công ở Biển Đỏ và công ty dầu mỏ lớn BP và các công ty vận tải biển khác cho biết họ đã tạm dừng tất cả các hoạt động vận chuyển qua tuyến đường này. Theo tổng hợp, khoảng 15% lưu lượng vận tải biển trên thế giới đi qua kênh đào Suez, tuyến đường vận chuyển ngắn nhất giữa châu Âu và châu Á. Để tránh Biển Đỏ, các tàu thuyền sẽ phải đi qua Mũi Hảo Vọng, khiến hành trình kéo dài nhiều hơn, bình quân khoảng 6 ngày đối với một tàu đi từ châu Á đến châu Âu, phụ phí nhiên liệu cũng có thể tăng thêm 300.000 - 400.000 đô la Mỹ. Đồng thời, thị trường bảo hiểm hàng hải của London đã mở rộng khu vực ở Biển Đỏ mà thị trường này được cho là có rủi ro cao vào hôm 18/12 sau cuộc tấn công của các nhóm phiến quân, làm tăng thêm phí bảo hiểm mà các tàu phải trả.

#### 3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

<b>Phân khúc tàu VLCC</b>	Nhìn chung, các giao dịch tại khu vực Trung Đông tiếp tục diễn ra một cách ảm đạm. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Trung Đông đi Trung Quốc giảm 10 điểm so với tuần trước, xuống mức WS 56. Tại khu vực Đại Tây Dương, cước trên tuyến Tây Phi đi Trung Quốc vẫn ổn định so với tuần trước.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ/ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	48.740	34.000	↓
	Trung Đông/USG	9.755	4.950	↓

<b>Phân khúc tàu Suezmax</b>	Theo tổng hợp, nguồn cung hàng hóa tại khu vực Tây Phi đang có xu hướng giảm trong tuần vừa qua. Ghi nhận, cước trên tuyến Nigeria/UKC đang ở mức WS 93, giảm 9 điểm so với tuần trước đó. Tại khu vực Địa Trung Hải, các hoạt động giao dịch giảm mạnh và dường như đang bị chững lại với cước trên tuyến Biển Đen/Địa Trung Hải đang được ký kết quanh mức WS 68 – giảm gần một nửa so với tuần trước đó.		
<b>Phân khúc tàu Aframax</b>	Tại khu vực Địa Trung Hải, sau một khởi đầu trầm lắng thì thị trường có xu hướng tăng lên vào thời điểm giữa tuần. Theo ghi nhận, cước từ Ceyhan đang được ký kết quanh mức WS 125 và nguồn cung tàu đang có xu hướng giảm. Tại khu vực Biển Bắc, động thái thị trường không có nhiều thay đổi so với tuần trước đó. Cước từ Biển Bắc đang được ghi nhận quanh mức WS 135.		

### 3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

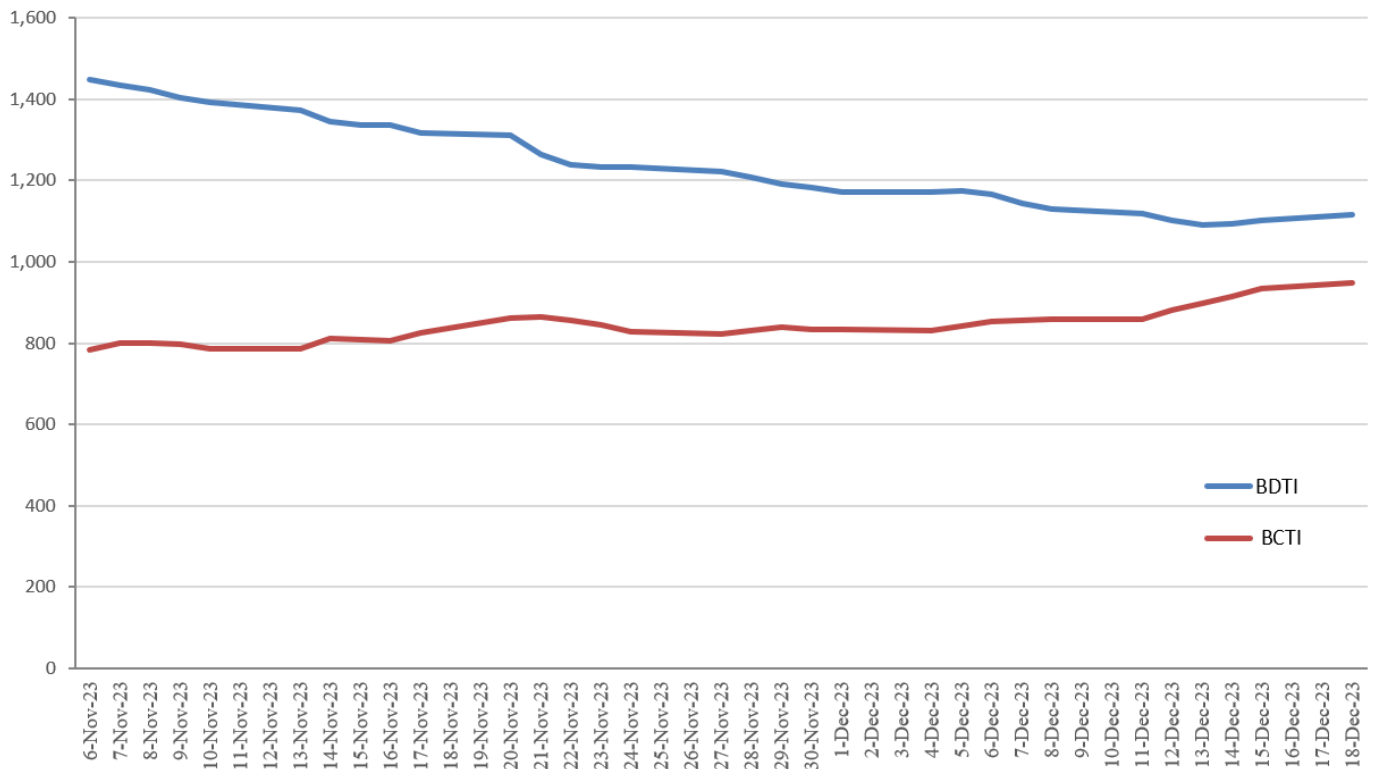
Đối với phân khúc **tàu MR**: Đây được đánh giá là một tuần đáng thất vọng cho các chủ tàu MR hoạt động tại khu vực Đông Nam Á. Các giao dịch hàng hóa trên thị trường tiếp tục giảm và nguồn cung tàu đang có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên, các đơn hàng đi Úc vẫn đang được chào ra trên thị trường để tìm kiếm tàu đủ điều kiện. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Singapore/Đông Úc đang được ký kết quanh mức WS 220 – tương đương với khoảng 25.450 đô la Mỹ/ngày. Tại khu vực UKC, xu hướng thị trường không có nhiều sự thay đổi so với tuần trước đó. Ghi nhận cước trên tuyến Cont/USAC đang ở mức WS 195 – tương đương với khoảng 24.750 đô la Mỹ/ngày. Bên cạnh đó, các giao dịch tại USG cũng diễn ra khá trầm lắng với cước trên tuyến USG/Cont đang được ký kết quanh mức WS 215.

**Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ**: Các giao dịch đi hướng phía Bắc có xu hướng tăng nhẹ trong tuần vừa qua. Ghi nhận trên thị trường một số đơn hàng chở 10.000 tấn từ Kerteh đi trung Trung Quốc và 13.500 tấn hóa chất + baseoil của Exxon từ Singapore đi trung-bắc Trung Quốc với cước được ký kết quanh mức 33-36 đô la Mỹ/tấn. Tại khu vực Viễn Đông, các giao dịch tiếp tục diễn ra ổn định với nguồn cung tàu đang được thắt chặt. Bên cạnh đó, các giao dịch chở hóa chất đi khu vực phía Nam và Ấn Độ khá sôi động. Theo ghi nhận, các đơn hàng chở 5-10.000 tấn hóa chất đi Ấn Độ đang được ký kết quanh mức 78-85 đô la Mỹ/tấn. Đối với hàng dầu cọ đi Ấn Độ, các giao dịch đang có xu hướng chậm lại đáng kể. Theo một số nguồn tin, thuế xuất khẩu từ Indonesia sẽ được điều chỉnh giảm từ tháng 2 năm 2024. Do đó, nhiều người mua đang trì hoãn giao dịch để chờ động thái của thị trường.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 51			Giá thuê tàu định hạn tuần 50		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,500	44,500	40,000	48,000	44,500	40,000
SUEZMAX	45,500	37,500	33,000	45,000	37,500	33,000
AFRAMAX	44,000	37,500	32,500	43,500	37,500	32,500
LR-2	43,000	37,000	32,000	42,500	37,000	32,000
LR-1	35,500	30,500	26,500	35,500	30,500	26,500
MR	29,000	25,000	23,000	28,500	25,000	22,000
HANDY	26,500	19,000	17,000	26,500	19,000	16,500

### CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



### 4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

#### GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

ST T	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	India	510	▲ 15	530	▲ 15	550	▲ 15
2	Pakistan	500	▼ 10	520	▼ 10	540	▼ 10
3	Bangladesh	490		510		530	
4	Turkey	305		315		325	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)



## MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 51/2023

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/t)	Dwt	Comments
Jin Hai Xi	Bulker	1995	5,937	India	506.00	28,615	
SSL Delhi	Container	2000	10,669	-	532.00	33,912	As í Jebel Ali, incl abt 100 tons bunkers
TJ Orhan	Container	1998	7,360	India	560.00	20,631	Incl significant bunker quantity
Silk	Container	1996	7,036	India	545.00	56,813	Incl some bunkers
Yi Cheng 58	MPP	1985	4,301	Bangladesh	490.00	-	
Star 1	Tweendecker	1985	1,960	-	450.00	7,120	As is UAE

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG**  
**PIONEER SHIPBROKERS**  
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: [snp@pioneershipbrokers.com.vn](mailto:snp@pioneershipbrokers.com.vn)

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.  
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*